

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/KDTM-ST
Ngày 29-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vương Thị Hồng Thanh;
- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 44/2025/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2025/QĐXXST-KDTM ngày 30/7 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-KDTM ngày 22/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH K; địa chỉ: A P, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là A P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: bà Ngô Ngọc H, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T; địa chỉ: số A, đường số B, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: nhà máy L1 - chi nhánh công ty cổ phần T, đường số I, KCN P, phường P, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2025); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo yêu cầu khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Ngô Ngọc H trình bày:

Công ty TNHH K (gọi tắt là công ty K) và nhà máy L1 phôi thép – chi nhánh Công ty Cổ Phần T, mã số thuế: 3700321364-001 (gọi tắt là công ty T) có ký kết các Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 7/PO3/722128 ngày 16/3/2022, Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 7/PO3/722138 ngày 15/4/2022 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 7/PO3/722176 ngày 02/5/2022. Theo đó, công ty K cung cấp cho công ty T các mặt huỳnh thạch. Phương thức và thời hạn thanh toán đã được các bên thỏa thuận trong các hợp đồng.

Thực hiện theo các hợp đồng và các đơn hàng, công ty K đã giao hàng theo đúng thời hạn và số lượng đã thỏa thuận. Tổng giá trị các đơn hàng theo các Hóa đơn giá trị gia tăng là 2.311.275.370 đồng, cụ thể: Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB4 ngày 30/3/2022 là 427.756.746 đồng, Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB6 ngày 09/5/2022 là 775.751.741 đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB ngày 10/6/2022 là 1.107.766.883 đồng.

Căn cứ Điều 6.2 trong các Hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký giữa hai bên thì Công ty T thanh toán bằng hình thức chuyển khoản giá trị các đơn hàng trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty T mới thanh toán được số tiền 711.275.370 đồng, cụ thể: Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB4 ngày 30/3/2022 số tiền 427.756.746 đồng, ngày 09/3/2023 bị đơn thanh toán 100.000.000 đồng, ngày 14/12/2023 thanh toán 50.000.000 đồng và ngày 29/3/2024 thanh toán hết số tiền còn lại 277.756.746 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB6 ngày 09/5/2022 số tiền 775.751.741 đồng, ngày 29/3/2024 bị đơn thanh toán 222.243.254 đồng, ngày 10/7/2025 thanh toán 61.275.370 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán 492.233.117 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB ngày 10/6/2022 số tiền 1.107.766.883 đồng, bị đơn chưa thanh toán.

Công ty K đã nhiều lần yêu cầu công ty T thanh toán số tiền nợ theo đúng thỏa thuận, nhưng công ty T không thanh toán. Như vậy, công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa trên. Cho nên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, công ty K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty T trả cho công ty K số tiền nợ gốc là: 1.661.275.370 đồng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, công ty T đã trả số tiền 61.275.370 đồng, như vậy số tiền còn lại chưa trả là 1.600.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 09/6/2022 đến ngày 08/3/2023 trên số tiền còn nợ 427.756.746 đồng, từ ngày 10/3/2023 đến ngày 13/12/2023 trên số tiền còn nợ 327.756.746 đồng và từ ngày 15/12/2023 đến ngày 28/3/2024 trên số tiền còn nợ 277.756.746 đồng đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB4 ngày 30/3/2022, mức lãi suất 0,026%/ngày là 61.720.407 đồng. Từ ngày 18/7/2022 đến ngày 28/3/2024 trên số tiền còn nợ 775.751.741 đồng, từ ngày 30/3/2024 đến ngày 09/7/2025 trên số tiền còn nợ 553.508.487 đồng và từ ngày 11/7/2025 đến ngày xét xử (29/8/2025) trên số tiền

còn nợ 492.233.117 đồng đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB6 ngày 09/5/2022, mức lãi suất 0,026%/ngày là 198.657.212 đồng và tính từ ngày 20/8/2022 đến ngày xét xử (29/8/2025) trên số tiền còn nợ 1.107.766.883 đồng đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB ngày 10/6/2022 mức lãi suất 0,026%/ngày là 318.549.445 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi là: 2.178.927.064 đồng.

- *Tại bản trình bày ý kiến ngày 06/6/2025 người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Nhà máy luyện phôi thép – Chi nhánh Công ty cổ phần T (gọi tắt “Nhà máy P”) và công ty K đã ký với nhau 03 Hợp đồng mua bán hàng hóa như công ty K trình bày.

Tuy nhiên, từ tháng 10 năm 2022, Công ty Cổ phần T rơi vào tình cảnh khó khăn về tài chính. Đó là do những nguyên nhân bất khả kháng từ dịch bệnh covid 19 bùng phát dữ dội đúng thời điểm Công ty Cổ phần T đang xây dựng dự án Lò cao tại Khu công nghiệp P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã làm cho dự án chậm tiến độ và phát sinh thêm chi phí do việc phòng chống dịch và chi phí đưa chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện dự án. Chưa kịp hồi phục kinh tế sau dịch bệnh, Công ty Cổ phần T tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi chiến sự giữa N và U và tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu. Giá vốn, giá nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao, trong khi giá phôi thép, thép thành phẩm giảm do thị trường bất động sản đóng băng. Công ty Cổ phần T buộc phải tạm ngừng hoạt động sản xuất của dự án Nhà máy luyện phôi thép tại Khu công nghiệp P từ ngày 11 năm 2022 đến nay. Công ty Cổ phần T mất đi toàn bộ doanh thu từ hoạt động sản xuất của Nhà máy P nên việc thanh toán tiền hàng cho Công ty K cũng bị chậm trễ so với thời hạn thanh toán theo quy định của Hợp đồng mua bán đã ký giữa hai bên. Đây cũng là tình hình khó khăn chung của các ngành kinh tế tại Việt Nam và cả thế giới, đặc biệt những ngành liên quan đến bất động sản vào thời điểm này. Do vậy, Chính phủ cũng đã phải vào cuộc can thiệp yêu cầu các ngân hàng tái cơ cấu nợ vay, cắt giảm lãi suất cho doanh nghiệp để bù đắp khó khăn cho doanh nghiệp. Trong tình cảnh khó khăn này, chúng tôi cũng đã nhận được rất nhiều sự hỗ trợ, sẻ chia của nhiều nhà thầu, nhà cung cấp và cả ngân hàng, công ty Đ, v.v... cho hoãn, kéo dài thời hạn thanh toán để Công ty Cổ phần T sớm vượt qua khó khăn, khôi phục sản xuất. Để trả nợ cho các ngân hàng và nhà cung cấp, từ cuối năm 2022, Công ty Cổ phần T đã chủ động lên kế hoạch tái cơ cấu toàn diện doanh nghiệp, huy động nguồn vốn từ các nhà đầu tư chiến lược, cố gắng sớm đưa Nhà máy P hoạt động trở lại trong thời gian sớm nhất. Tuy nhiên, kế hoạch tái cấu trúc của Công ty Cổ phần T không được suôn sẻ, thuận lợi do vướng quy định của pháp luật về chứng khoán cũng như sự thay đổi chủ quan từ phía nhà đầu tư. Hiện theo kế hoạch dự kiến trong Quý 4 năm 2025, Công ty Cổ phần T sẽ khôi phục hoạt động sản xuất của Nhà máy P. Việc khôi phục sản xuất của Nhà máy P được thực hiện đúng theo kế hoạch do Công ty Cổ phần T chủ động vốn huy động từ nhiều nguồn khác nhau chứ không bị động chờ nguồn vốn duy nhất từ nhà đầu tư

chiến lược như các đợt huy động vốn trước đây. Do đó, sau khi khôi phục sản xuất, Công ty Cổ phần T sẽ có doanh thu để trả dần công nợ cho các nhà cung cấp nói chung trong đó có công ty K.

Về yêu cầu khởi kiện của Công ty K, Công ty Cổ phần T xác nhận số tiền hàng chưa thanh toán là: 1.661.275.370 đồng. Công ty Cổ phần T xin được thanh toán cho Công ty K vào cuối quý 4 năm 2025, sau khi Nhà máy P khôi phục sản xuất. Đối với tiền lãi chậm thanh toán, Công ty K đang áp dụng với mức lãi quá cao so với lãi suất cho vay của các ngân hàng. Do đó, để giảm bớt gánh nặng trả nợ gốc và lãi cho Công ty K, bị đơn kính mong Quý tòa xem xét áp dụng mức lãi suất hợp lý theo quy định của các pháp luật và phù hợp với khả năng, điều kiện, hoàn cảnh thực tế của Công ty Cổ phần T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: tại các Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 7/PO3/722128 ngày 16/3/2022, Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 7/PO3/722138 ngày 15/4/2022 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 7/PO3/722176 ngày 02/5/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận “*nếu trường hợp hai bên không thể tự giải quyết thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để giải quyết*”. Thỏa thuận giữa hai bên không ghi rõ cụ thể Tòa án nào tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thỏa thuận này chưa rõ ràng. Bị đơn có trụ sở tại: số A, đường số B, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Nguyên đơn yêu cầu lựa chọn Tòa án nơi bị đơn có trụ sở giải quyết tranh chấp. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng còn nợ nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét các Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 7/PO3/722128 ngày 16/3/2022, Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 7/PO3/722138 ngày 15/4/2022 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 7/PO3/722176 ngày 02/5/2022 được ký kết giữa người có thẩm quyền của nguyên đơn và bị đơn, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện giao kết, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn theo thỏa thuận là các mặt hàng than, về quy cách, số lượng, đơn giá và thành tiền được thể hiện cụ thể theo Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB4 ngày 30/3/2022; Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB6 ngày 09/5/2022; Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB ngày 10/6/2022; các biên bản làm việc giữa nguyên đơn, bị đơn và sự thừa nhận của các đương sự.

Căn cứ các Hóa đơn giá trị gia tăng thì tổng giá trị hàng hóa nguyên đơn đã giao cho bị đơn là 2.311.275.370 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty Cổ phần T mới thanh toán được số tiền 711.275.370 đồng. Như vậy, số tiền nợ quá hạn mà bị đơn chưa thanh toán là: 1.600.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, bị đơn thừa nhận số tiền còn nợ của nguyên đơn; đồng ý thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn, đây là sự tự nguyện của bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Xét tiền lãi chậm thanh toán: các bên có thỏa thuận theo hợp đồng: *“bên B thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho bên A trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày bên B nhận đủ hàng qua cân tại nhà máy và các chứng từ hợp lệ sau: Hóa đơn thuế giá trị gia tăng, biên bản giao nhận hàng hóa”*. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 09/6/2022 đến ngày 08/3/2023 trên số tiền còn nợ 427.756.746 đồng, từ ngày 10/3/2023 đến ngày 13/12/2023 trên số tiền còn nợ 327.756.746 đồng và từ ngày 15/12/2023 đến ngày 28/3/2024 trên số tiền còn nợ 277.756.746 đồng đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB4 ngày 30/3/2022, mức lãi suất 0,026%/ngày là 61.720.407 đồng. Từ ngày 18/7/2022 đến ngày 28/3/2024 trên số tiền còn nợ 775.751.741 đồng, từ ngày 30/3/2024 đến ngày 09/7/2025 trên số tiền còn nợ 553.508.487 đồng và từ ngày 11/7/2025 đến ngày xét xử (29/8/2025) trên số tiền còn nợ 492.233.117 đồng đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB6 ngày 09/5/2022, mức lãi suất 0,026%/ngày là 198.657.212 đồng và tính từ ngày 20/8/2022 đến ngày xét xử (29/8/2025) trên số tiền còn nợ 1.107.766.883 đồng đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số C22TBB ngày 10/6/2022 mức lãi suất 0,026%/ngày là 318.549.445 đồng. Tổng cộng 578.927.064 đồng.

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”*. Căn cứ vào biểu lãi suất do Ngân hàng N1, Ngân hàng TMCP N2, Ngân hàng TMCP C cung cấp thì mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là 9,6%/năm, tương đương 0,026%/ngày.

Như vậy, tính từ các thời hạn trên, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận trong các hợp đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất 0,026%/ngày tương ứng với số tiền lãi 578.927.064 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[3.3] Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là: 2.178.927.064 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 51 và Điều 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K đối với Công ty cổ phần T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty cổ phần T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH K với tổng số tiền: 2.178.927.064 đồng (hai tỷ một trăm bảy mươi tám triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng); trong đó: tiền hàng còn nợ: 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi 578.927.064 đồng (năm trăm bảy mươi tám triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần T phải chịu 75.578.541 đồng (bảy mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi một đồng). Trả lại cho Công ty TNHH K số tiền 37.829.890 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm hai mươi chín nghìn tám trăm chín mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008306 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh) và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0003697 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND KV 16, TP Hồ Chí Minh (01);
- VKSND KV 16, TP Hồ Chí Minh (01);
- Phòng THADS KV 16, TP Hồ Chí Minh (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

